|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2022/QĐ-UBND | *Trà Vinh, ngày tháng năm 2022* |

 **(Dự thảo)**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định nội dung chi và mức chi**

**Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật phòng chống, thiên tai;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2021/NÐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;*

*Theo đề nghị của cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Trà Vinh tại Tờ trình số /TTr-QPCTT ngày …/…/ 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung chi và mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày …/…/2022 và thay thế Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 04/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động, quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- BCĐ TW PCTT;- Các Bộ: TC, NN&PTNT;- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;- CT, các PCT. UBND tỉnh;- Như Điều 3;- LĐVP; các phòng;- Lưu: VT, NN.  | **TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****CHỦ TỊCH** |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |

**QUY ĐỊNH**

**Nội dung chi và mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai**

**trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2022/QĐ-UBND ngày / /2022*

*của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định nội dung chi và mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (sau đây gọi tắt là Quỹ).

2. Những nội dung không nêu trong Quy định này thì thực hiện theo Nghị định số 78/2021/NÐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**Chương II**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 3. Nội dung chi và mức chi**

 1. Chi hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai

a) Hỗ trợ sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán. Mức chi 50.000 đồng/người/ngày căn cứ theo số ngày thực tế được sơ tán.

 b) Hỗ trợ tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước; hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Mức chi cấp theo ngày được huy động là 120.000 đồng, nếu được huy động vào ban đêm (từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau) được tính gấp đôi mức hỗ trợ quy định tại điểm này.

2. Chi cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai

a) Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai:

- Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai. Mức chi 100.000 đồng/người/ngày và không quá 5 ngày/đợt thiên tai.

- Cứu trợ khẩn cấp về sách vở, phương tiện học tập. Mức chi 200.000 đồng/học sinh.

b) Hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai:

- Hỗ trợ tu sửa nhà ở: Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, mức chi theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Đối với hộ còn lại, mức chi bằng 50% mức chi hỗ trợ đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

- Hỗ trợ tu sửa cơ sở y tế, trường học, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai. Mức chi tối đa 50.000.000 đồng/công trình tu sửa.

- Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai. Mức chi 10.000.000 đồng/xã bị ảnh hưởng.

c) Chi hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai. Mức chi theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh và Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

d) Hỗ trợ tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai. Mức chi căn cứ theo dự toán hàng năm được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

đ) Hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ quan trọng trên địa bàn bị sụt trượt, sạt lở. Mức chi căn cứ theo dự toán hàng năm được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

e) Hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai. Mức chi tối đa không quá 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình.

3. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa

a) Hỗ trợ thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai; phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng. Mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 13/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi phục vụ hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Nghị quyết số 79/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

b) Hỗ trợ lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai. Mức chi căn cứ theo dự toán hàng năm được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

c) Hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm. Mức chi theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

d) Hỗ trợ phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng. Mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

đ) Hỗ trợ diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp. Mức chi căn cứ theo dự toán hàng năm được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

e) Hỗ trợ mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã: Mức chi căn cứ theo dự toán hàng năm được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

f) Hỗ trợ tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai. Mức chi theo quy định tại Mục 7, Chương II Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều.

g) Hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin, dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng. Mức chi căn cứ theo dự toán hàng năm được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

h) Hỗ trợ mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai. Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg ngày 03/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai và khả năng cân đối của Quỹ.

**Điều 4. Phân bổ Quỹ**

Căn cứ nội dung chi của Quỹ tại Điều 3 của Quy định này và số thu thực tế trên địa bàn mỗi cấp, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ như sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp xã giữ lại 28% số thu trên địa bàn để hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu là 5%; chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ là 3% và chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã là 20%. Số tiền thu quỹ còn lại (72% số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản quỹ ở cấp huyện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền. Đối với các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và các xã khu vực III, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ tối thiểu cho Ủy ban nhân dân cấp xã phải bằng số tiền của cấp xã (trừ các xã nêu trên) được phân bổ thấp nhất.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện giữ lại 23% số thu trên địa bàn (bao gồm cả số thu của cấp xã) để chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp huyện là 20% và chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ là 3%. Số tiền còn lại (77% số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản của Quỹ cấp tỉnh.

3. Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ cấp tỉnh không vượt quá 3% tổng số thu của Quỹ cấp tỉnh.

4. Phần còn lại do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

5. Giao Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh căn cứ số thực thu Quỹ của năm trước tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp của mình theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. Sau khi các cấp có báo cáo quyết toán kinh phí, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thu hồi khoản phân bổ nếu còn dư hoặc quyết định phân bổ khi nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp huyện, xã đã sử dụng hết.

**Điều 5. Thẩm quyền chi Quỹ**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chi từ nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên cơ sở đề nghị của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã quyết định chi theo nội dung chi trên cơ sở đề nghị của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, xã.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, xã quyết định nội dung chi và mức chi thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai ngoài các nội dung chi tại Điều 3 Quy định này cho các đối tượng theo đề nghị của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cùng cấp.

4. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức liên quan; tổ chức kiểm tra, rà soát và đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thực hiện việc điều chuyển cho Quỹ Trung ương theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc cho các Quỹ cấp tỉnh của địa phương khác theo đề nghị của cơ quan quản lý Quỹ.

**Điều 6. Lập dự toán, đề xuất sử dụng Quỹ**

1. Kế hoạch hàng năm:

a) Vào tháng 10 hàng năm, các địa phương, đơn vị hoàn thành và gửi báo cáo đề xuất danh mục, nội dung cần hỗ trợ kinh phí được quy định tại khoản 1, Điều 5 của Quy định này từ nguồn Quỹ của tỉnh cho năm sau, thông qua Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

b) Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành rà soát, kiểm tra nội dung đề xuất của các địa phương, đơn vị; tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Kế hoạch phát sinh khi xảy ra sự cố đột xuất, thiệt hại do thiên tai gây ra:

a) Các địa phương, đơn vị báo cáo tình hình thiệt hại do sự cố thiên tai gây ra và đề xuất hỗ trợ kinh phí để khắc phục.

b) Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan tiến hành kiểm tra thực tế nơi xảy ra sự cố, lập biên bản đánh giá thiệt hại, nguyên nhân và đề xuất giải pháp khắc phục.

c) Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chi hỗ trợ từ nguồn Quỹ của tỉnh để kịp thời tổ chức khắc phục.

3. Sau khi có văn bản chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan quản lý Quỹ lập thủ tục chi tạm ứng cho các địa phương, đơn vị theo đúng nội dung và kinh phí được duyệt.

4. Đối với các trường hợp thay đổi, điều chỉnh các thông số kỹ thuật, kinh phí giữa các danh mục hoặc thay đổi danh mục nhưng không làm tăng tổng kinh phí đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, giao Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ngành, đơn vị tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan xem xét, quyết định, báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 7. Trình tự, thủ tục và hồ sơ cấp phát, thanh quyết toán kinh phí từ nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh**

1. Cấp phát, thanh quyết toán kinh phí đối với tu sửa khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai; kinh phí được hỗ trợ đột xuất để khắc phục sự cố công trình, hỗ trợ thiệt hại do thiên tai gây ra:

a) Đối với các công trình phòng, chống thiên tai sử dụng từ nhiều nguồn vốn khác nhau, phải phân rõ các nguồn vốn được đầu tư cho công trình.

b) Công tác phê duyệt, thanh quyết toán kinh phí đầu tư khắc phục sự cố công trình, xây dựng, sửa chữa công trình phòng, chống thiên tai được thực hiện theo các quy định hiện hành.

c) Cơ quan quản lý Quỹ căn cứ vào quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, quyết định phê duyệt thiết kế - dự toán sẽ chi tạm ứng 70% trên tổng số kinh phí được duyệt cho các đơn vị, địa phương; phần kinh phí 30% còn lại, cơ quan quản lý Quỹ sẽ cấp sau khi nhận đầy đủ hồ sơ quyết toán.

2. Cấp phát, thanh quyết toán kinh phí phục vụ tập huấn, diễn tập và các khoản chi khác:

a) Cơ quan quản lý Quỹ căn cứ vào hồ sơ được cấp thẩm quyền phê duyệt để cấp phát kinh phí.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm phê duyệt quyết toán kinh phí phục vụ tập huấn, diễn tập và các khoản chi khác từ nguồn Quỹ của tỉnh cấp cho các huyện, thị xã, thành phố.

c) Hồ sơ thanh quyết toán đối với tập huấn, diễn tập và các khoản chi khác gồm có: Dự toán được phê duyệt, báo cáo kết quả thực hiện, các chứng từ, hóa đơn có liên quan, danh sách chi cho lực lượng tham gia có ký nhận (kèm theo kế hoạch thực hiện).

3. Thanh quyết toán kinh phí phòng, chống, ứng phó, khắc phục sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trong thiên tai:

Hồ sơ thanh quyết toán phải đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định, Phương án phòng, chống, ứng phó, khắc phục sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; Quyết định huy động, điều động, trưng dụng lực lượng, phương tiện, vật tư, trang thiết bị của cấp có thẩm quyền; Bảng kê xác định số lượng lực lượng tham gia, thời gian thực tế tham gia có xác nhận của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn đơn vị, địa phương; Hợp đồng sử dụng phương tiện, vật tư, trang thiết bị; Bảng kê xác nhận tình trạng hư hỏng hoặc mất phương tiện và các chứng từ có liên quan theo quy định hiện hành.

4. Thời hạn thanh quyết toán kinh phí:

a) Công tác thanh quyết toán phải hoàn thành ngay trong năm được cấp kinh phí; trường hợp kinh phí được duyệt trong quý IV của năm trước được thanh quyết toán trong thời gian chỉnh lý trước ngày 05 tháng 02 năm sau.

b) Đối với các trường hợp chi hỗ trợ đầu tư từ nguồn Quỹ được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương, có quy định thời gian thực hiện cụ thể, thì thời gian thanh quyết toán thực hiện theo chủ trương được cấp thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 8. Báo cáo, phê duyệt quyết toán**

1. Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai cấp huyện, định kỳ trước ngày 15 hàng tháng báo cáo kết quả thu, chi Quỹ của cấp mình với cơ quan quản lý Quỹ.

2. Cơ quan quản lý Quỹ có trách nhiệm báo cáo quyết toán thu, chi Quỹ gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh trong quý I hàng năm. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thẩm tra, phê duyệt quyết toán Quỹ theo quy định hiện hành.

3. Cơ quan quản lý Quỹ, định kỳ trước ngày 25 hàng tháng báo cáo kết quả thu, chi Quỹ với cơ quan quản lý Quỹ Trung ương; thực hiện các báo cáo đột xuất liên quan đến việc quản lý thu, chi, quyết toán Quỹ theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Chương III**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Cơ quan đầu mối, chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các Sở, ngành liên quan kiểm tra, rà soát, thống kê, tổng hợp tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh.

2. Tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh kịp thời. Trường hợp nguồn Quỹ không đủ, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Tham mưu xây dựng kế hoạch chi Quỹ hằng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

**Điều 10. Sở Tài chính**

1. Kiểm tra, giám sát về tài chính của Quỹ theo chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán theo quy định hiện hành và báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Đề xuất ngân sách tỉnh hỗ trợ cho công tác phòng chống thiên tai khi nguồn Quỹ Phòng chống thiên tai không đáp ứng.

**Điều 11. Cơ quan quản lý Quỹ**

1. Báo cáo quyết toán thu, chi Quỹ năm trước với Hội đồng quản lý Quỹ vào Quý I năm sau.

2. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và thẩm tra quyết toán của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; đồng thời tổng hợp kết quả thực hiện, lập báo cáo quyết toán thu, chi Quỹ gửi Sở Tài chính thẩm tra trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước ngày 31/3 năm sau.

3. Báo cáo kết quả thu, chi Quỹ với cơ quan quản lý Quỹ trung ương trước ngày 25 hàng tháng.

4. Lập dự toán chi phí quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

5. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ Quỹ đối với các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo và các xã khu vực III theo quy định tại khoản 1, Điều 4 Quy định này.

6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất kết quả thu, chi Quỹ với Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, và các cơ quan có liên quan.

7. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về thanh tra thường xuyên và đột xuất việc chấp hành công tác xây dựng kế hoạch thu, chi và quản lý sử dụng Quỹ tại các địa phương, đơn vị theo đúng quy định.

8. Công khai báo cáo quyết toán bằng các hình thức: Niêm yết tại trụ sở cơ quan quản lý Quỹ và trên Trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tại chuyên mục Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

**Điều 12. Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh**

1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ khi Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, không để thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực.

3. Lập báo cáo quyết toán và quản lý, lưu giữ hồ sơ, tài liệu theo quy định; đồng thời gửi báo cáo cơ quan quản lý Quỹ trước ngày 28/02 năm sau.

**Điều 13. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

1. Tổ chức thực hiện tốt công tác phòng ngừa trước thiên tai, ứng phó trong thiên tai và khắc phục hậu quả sau thiên tai.

2. Thực hiện việc thống kê, kiểm kê, đánh giá chính xác mức độ thiệt hại theo Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 giữa Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra; nhu cầu hỗ trợ và kết quả thực hiện hỗ trợ. Báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, không để thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực; chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phối hợp với các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện, thị xã, thành phố thực hiện công khai chính sách hỗ trợ của nhà nước: danh sách người được hỗ trợ; mức hỗ trợ đối với từng hộ gia đình, cá nhân, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại do thiên tai trước và sau khi có quyết định hỗ trợ của cấp có thẩm quyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

4. Lập báo cáo quyết toán chi Quỹ trên địa bàn và quản lý, lưu giữ hồ sơ, tài liệu theo quy định; đồng thời gửi báo cáo cơ quan quản lý Quỹ trước 28/02 hàng năm.

**Điều 14. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn**

1. Thực hiện tốt công tác phòng ngừa trước thiên tai, ứng phó trong thiên tai và khắc phục hậu quả sau thiên tai.

2. Thống kê, kiểm kê, đánh giá chính xác mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ khôi phục sản xuất theo Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT và báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ khi được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

4. Sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, không để thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực; thực hiện công khai: danh sách người được hỗ trợ; mức hỗ trợ đối với từng hộ gia đình, cá nhân, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại do thiên tai trước và sau khi có quyết định hỗ trợ của cấp có thẩm quyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

5. Lập báo cáo quyết toán kết quả thu, chi Quỹ trên địa bàn, báo cáo về Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 31/01 năm sau để tổng hợp, thẩm định theo quy định.

Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị, tổ chức và cá nhân phản ánh về cơ quan quản lý Quỹ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

 **TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**CHỦ TỊCH**